CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21/8/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

2. Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2020.

3. Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2024.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 (sau đây gọi là Luật Các tổ chức tín dụng);

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài[1,2,3].

---

[1] Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài."

[2] Thông tư số 13/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Thông tư số 22/2018/TT-NHNN).

[3] Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng có căn cứ ban hành như sau:

'Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) (sau đây gọi là nhân sự) theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại Nhà nước; việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự đối với những nhân sự do chủ sở hữu phần vốn Nhà nước cử hoặc giới thiệu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ thực hiện theo các văn bản về công tác cán bộ của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại (trừ ngân hàng thương mại Nhà nước), tổ chức tín dụng phi ngân hàng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được lập theo nguyên tắc sau:

a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được

---

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng."

miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt;

b) Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật;

c) Các bản sao hồ sơ, tài liệu của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm phải là bản sao từ sổ gốc hoặc là bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản do nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm tự lập phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.

2.[4] Văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự:

a) Đối với tổ chức tín dụng: Văn bản do người đại diện theo pháp luật ký. Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức tín dụng khuyết người đại diện theo pháp luật, văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng là văn bản của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ký. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác, thành viên Hội đồng thành viên khác ký thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật và hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Văn bản do Tổng giám đốc (Giám đốc) ký. Trường hợp Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài ký văn bản đề nghị.

3.[5] Hồ sơ đính kèm danh mục hồ sơ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước

---

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2020.

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức

hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[6]

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở trên địa bàn, thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Điều 5. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự

Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký. Quá thời hạn này,việc bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được hoàn thành thì văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đương nhiên hết hiệu lực.

Chương II

THỦ TỤC, HỒ SƠ CHẤP THUẬN DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

---

và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng

1. Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;

b)[7] Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh, đơn vị công tác hiện tại; chức danh dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng; tên cá nhân, tổ chức đề cử; tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp mà nhân sự dự kiến làm người đại diện theo ủy quyền của tổ chức đề cử (nếu có);

c) Cơ cấu, danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của tổ chức tín dụng (trường hợp dự kiến nhân sự bầu, bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát), trong đó:

(i) Đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên độc lập, thành viên không phải là người điều hành, số lượng thành viên là người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng; số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát;

(ii) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát.

d) Đánh giá về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện.

đ)[8] Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.

---

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

[8] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức

2. Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng (đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể:

a) Đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần: Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu;

c) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

(i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của các thành viên góp vốn;

(ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

3. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục số 01 đính kèm Thông tư này.

4.[9] Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm:

a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá

---

và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ sở hữu (đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm a, điểm b khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

5. Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục số 02 đính kèm Thông tư này.

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện "có ít nhất 3 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 5 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán":

(i) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng);

(ii) Nội dung Điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp quy định về người quản lý, điều hành;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự

hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của nhân sự.

b) Đối với điều kiện "có ít nhất 5 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng":

(i) Nội dung Điều lệ của doanh nghiệp quy định về người quản lý, điều hành;

(ii) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang công tác;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự.

c) Đối với điều kiện "có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán": Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại các bộ phận này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại bộ phận này.

8. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện "có ít nhất 5 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng":

(i) Nội dung Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định về người điều hành;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự.

b) Đối với điều kiện "có ít nhất 5 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán":

(i) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc);

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

c) Đối với điều kiện "có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán": Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện "có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán" đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

10. Đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm thuộc trường hợp quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử nhân sự dự kiến làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị chấp thuận dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh tại Việt Nam, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b)[10] Họ và tên; chức danh và đơn vị công tác hiện tại; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm;

c) Đánh giá về việc Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện.

2. Văn bản của đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài thông qua việc dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

2a.[11] Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bổ nhiệm:

a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ngân hàng nước ngoài phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền

---

[10] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2024.

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm a, điểm b khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

3.[12] Các hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 3, 5, 6, 8 Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[13]

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung hồ sơ.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này để Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận.

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

[13] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải nêu rõ lý do.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Mục 1
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Thực hiện việc rà soát tiêu chuẩn, điều kiện nhân sự

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải rà soát, đánh giá về việc nhân sự dự kiến đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Thực hiện thủ tục liên quan đến việc bầu, bổ nhiệm nhân sự

1. Lập hồ sơ, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu và thực hiện thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện việc bầu, bổ nhiệm nhân sự theo đúng quy định của pháp luật và trên cơ sở danh sách dự kiến nhân sự đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 11. Thực hiện chế độ thông báo, báo cáo[14]

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kịp thời thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về những thay đổi liên quan đến việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm phát sinh trong quá trình Ngân hàng Nhà nước xem xét hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự hoặc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự cho đến khi nhân sự được bầu, bổ nhiệm theo quy định sau đây:

---

[14] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 9 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

a) Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này: gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này: gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này về danh sách những người được bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục số 03 đính kèm Thông tư này.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 12. Trách nhiệm của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng

1.[15] Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm là đầu mối đánh giá việc đáp ứng hồ sơ, tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này; lấy ý kiến các đơn vị liên quan; tổng hợp và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tiếp nhận thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này; xem xét, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến hoặc biện pháp xử lý.

3.[16] Tiếp nhận, rà soát thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Trường hợp phát hiện sai

---

[15] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 10 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 11 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức

sót, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý hoặc đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước biện pháp xử lý.

Điều 13. Trách nhiệm của Ngân hàng nhà nước chi nhánh[17]

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng hồ sơ, tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này; lấy ý kiến các đơn vị liên quan; có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

3. Tiếp nhận thông báo của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này; xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến hoặc biện pháp xử lý.

4. Tiếp nhận, rà soát thông báo của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Trường hợp phát hiện sai sót, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý hoặc đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước biện pháp xử lý nếu vượt thẩm quyền.

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan khác thuộc Ngân hàng Nhà nước

Các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

---

và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

[17] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 12 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[18,19,20]

---

[18] Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp***

Đối với các hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp nhận trước ngày 26 tháng 8 năm 2019, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp tục xử lý, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận theo quy định tại Thông tư số 22/2018/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung theo Điều 2 Thông tư này.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều 2 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019./."

[19] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 13/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2020 quy định như sau:

*"**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại (trừ ngân hàng thương mại Nhà nước), tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 12 năm 2020./."

[20] Điều 9 và Điều 10 của Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2024 quy định như sau:

*"**Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

Hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xem xét, xử lý theo các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

2. Bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Mục 3 Chương II; Điều 21; khoản 1, khoản 2 Điều 43; Điều 44; Quy định về chuẩn y nhân sự tại các Điều 16, 46, 47, 48, 49, 50, 51 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức, quản trị, điều hành, vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, bổ sung, sửa đổi Giấy phép, Điều lệ của ngân hàng thương mại;

b) Quy định về chuẩn y nhân sự tại Mục II Phần III; Mục III Phần III; Thông tư số 03/2007/TT-NHNN ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam;

c) Quyết định số 516/2003/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 5 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng phi ngân hàng và Quyết định số 14/2006/QĐ-NHNN ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng phi ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 516/2003/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 5 năm 2003.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2024.

2. Đối với các hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được xem xét, xử lý thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-NHNN, Thông tư số 03/2018/TT-NHNN, Thông tư số 22/2022/TT-NHNN, Thông tư số 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 23/2018/TT-NHNN, Thông tư 25/2017/TT-NHNN, Thông tư số 22/2018/TT-NHNN.

3. Thông tư này bãi bỏ khoản 13 Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài."

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh các tỉnh, thành phố, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Phụ lục số 16[21]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 *của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

Phụ lục số 01

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH(1)

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.

- Họ và tên thường gọi.

- Bí danh.

- Ngày, tháng, năm sinh.

- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.

- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là

[21] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2024.

pháp nhân hoặc là người được cử làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng).

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông.

- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay [2].

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) [3]	Đơn vị công tác	Chức vụ[4]	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú [5]

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính[6].

4. Năng lực hành vi dân sự[7]

4a. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh … tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Thông báo cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của ... (tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)[8]

Ghi chú:

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

4. Nêu rõ nếu nhân sự là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp.

5. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

a) Công ty con của tổ chức tín dụng;

b) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

c) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

d) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

6. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

7. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.

8. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

Phụ lục số 17[22]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Mối quan hệ với người khai(1)	Số Chứng minh nhân dân/số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam) hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)	Chức vụ tại tổ chức tín dụng đề nghị	Chức vụ tại Công ty con của tổ chức tín dụng đề nghị	Tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện tại tổ chức tín dụng đề nghị (%)	...
1	Nguyễn Văn A	Người khai					
2	Nguyễn Thị B	Vợ					
...							

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(2)

---

[22] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2024.

Ghi chú:

(1) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan tại cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4, khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(2) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

(Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Danh sách những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên,

thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc)

Kính gửi: .....

Căn cứ Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại văn bản số ... ngày ....., tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm nhân sự theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xin thông báo Ngân hàng Nhà nước kết quả của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự như sau:

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên (nhiệm kỳ....)

a) Kết quả bầu, bổ nhiệm nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức danh được bầu, bổ nhiệm (1)	Tỷ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần)	Nghị quyết/Quyết định bầu, bổ nhiệm nhân sự (*)

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng (áp dụng đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần), trong đó nêu rõ thành viên độc lập, thành viên là/không phải là người điều hành tổ chức tín dụng, các thành viên Hội đồng quản trị là người có liên quan.

2. Ban kiểm soát (nhiệm kỳ...)

a) Kết quả bầu, bổ nhiệm nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức danh được bầu, bổ nhiệm (2)	Tỷ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần)	Nghị quyết/Quyết định bầu, bổ nhiệm nhân sự (*)

b) Cơ cấu Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 44 Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó nêu rõ thành viên chuyên trách/thành viên không chuyên trách của Ban kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc (Giám đốc):

STT	Họ và tên	Quyết định bổ nhiệm (*)

..... , ngày ... tháng... năm .....

Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Nêu rõ chức danh Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

2. Nêu rõ chức danh Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát (chuyên trách/không chuyên trách).

(*) Nêu rõ loại văn bản, số, ngày ban hành, ngày hiệu lực của văn bản kèm bản sao của văn bản đó.

(Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 13 /VBHN-NHNN

Nơi nhận:
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn